

Số: ~~2474~~ QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày 22 tháng 6 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt Đề án Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao  
trong nông hộ huyện Tuy Phước giai đoạn 2016-2020

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020”;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nông nghiệp & PTNT tại Tờ trình số 98/TTr-PNN ngày 18/5/2016 về việc phê duyệt Đề án Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ huyện Tuy Phước giai đoạn 2016-2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ huyện Tuy Phước giai đoạn 2016-2020 với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Mục tiêu của Đề án**

**1.1. Mục tiêu chung:**

- Tập trung đẩy mạnh phát triển chăn nuôi bò thịt có năng suất, chất lượng cao, đưa chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trở thành một trong những vật nuôi chủ lực trong phát triển chăn nuôi. Xây dựng vùng chăn nuôi bò thịt chất lượng cao để làm cơ sở xây dựng thương hiệu bò thịt của tỉnh cả về chất lượng thịt và con giống.

- Tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho nông dân, phát triển chăn nuôi bò thịt, đặc biệt bò thịt chất lượng cao bền vững và bảo vệ môi trường.

**1.2. Mục tiêu cụ thể:**

- Ổn định quy mô tổng đàn bò: Tổng đàn bò năm 2015: 16.159 con, đến năm 2020 đạt 16.000 con.

- Chất lượng đàn bò: Đến năm 2020, tỷ lệ bò lai chiếm 80% tổng đàn, trong đó tỷ lệ bò thịt chất lượng cao đạt trên 20% tổng đàn.

**2. Nội dung Đề án**

**2.1. Lai tạo bò thịt chất lượng cao:**

Sử dụng tinh đông lạnh ngoại nhập các giống bò thịt chất lượng cao: Red Angus, Blanc Bleu Belge (BBB), tiến hành phối giống bò cái nền lai Zebu có máu lai  $\geq 75\%$ , tạo ra bê lai hướng thịt chất lượng cao, dùng nuôi thịt thương phẩm.



- Tổng số bò cái phối giống có chữa bằng tinh bò thịt chất lượng cao từ năm 2016-2020: 13.100 con

Trong đó: - Phối giống bằng tinh bò Red Angus: 7.860 con

- Phối giống bằng tinh bò BBB: 5.240 con

- Địa điểm triển khai:

+ Vùng phối giống tập trung: Xã Phước Hưng, Phước Quang, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Hiệp.

+ Vùng phối giống bổ sung: các xã còn lại trên địa bàn huyện và chỉ phối trên những bò cái lai đủ tiêu chuẩn từ F<sub>2</sub> trở lên, trọng lượng > 250 kg và hộ có đủ điều kiện nuôi.

## 2.2. Lai tạo bò Zebu và bò Drought master:

Sử dụng tinh đông lạnh sản xuất trong nước nhóm bò Zebu lai cải tạo bò đàn bò địa phương, lai cấp tiến bò cái lai Zebu để nâng cao tỷ lệ máu lai làm nền cho lai tạo bò thịt chất lượng cao. Sử dụng tinh đông lạnh sản xuất trong nước bò Droughtmaster phối giống bò cái nền lai có máu Zebu  $\geq 75\%$ , để sản xuất bò lai F<sub>1</sub> Droughtmaster nuôi thịt thương phẩm và chọn lọc những con cái tốt làm nền sinh sản.

- Tổng số bò cái phối giống có chữa bằng tinh bò thịt chất lượng cao từ năm 2016-2020 là 18.500 con.

- Địa điểm triển khai: 13 xã, thị trấn trong huyện (Kèm theo phụ lục 1: Kế hoạch thụ tinh nhân tạo đàn bò giai đoạn 2016-2020).

## 2.3. Đầu tư, nâng cấp hệ thống TTNT bò:

- Đầu tư trang bị bình chứa bảo quản tinh (dung tích 30-35 lít, xuất xứ Châu Âu), số lượng 02 bình.

- Đầu tư trang bị bình công tác (dung tích từ 3-3,7 lít, xuất xứ Châu Âu), số lượng 07 bình.

## 2.4. Đào tạo, tập huấn:

- Đào tạo mới dẫn tinh viên, để bổ sung cho những vùng chưa có dẫn tinh viên và thay thế cho những dẫn tinh viên nghỉ làm, số lượng 05 dẫn tinh viên.

- Tổ chức tuyên truyền, phối hợp tập huấn kỹ thuật về giống, thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi bò thịt chất lượng cao cho nông dân, số lượng 52 lớp, mỗi năm 13 lớp (từ năm 2017-2020).

## 2.5. Hỗ trợ 50% công phối giống:

Hỗ trợ 50% tiền công phối giống đặc thù trong 3 năm (2017-2019) với số lượng 2.200 con bò phối giống có chữa (2017: 500 con; 2018: 700 con; 2019: 1.000 con) cho 5 xã Phước Thuận, Phước Nghĩa, Phước Lộc, Thị trấn Tuy Phước, Thị trấn Diêu Trì có tỷ lệ bò lai còn thấp so với mặt bằng chung của huyện, người chăn nuôi chưa tích cực tham gia công tác lai tạo.

## 2.6. Xây dựng mô hình trồng cỏ chất lượng cao kết hợp chăn nuôi thâm canh bò

thịt chất lượng cao: Xây dựng 10 mô hình trình diễn với quy mô mỗi mô hình 10 con bò/5.000 m<sup>2</sup> diện tích đất trồng cỏ/01 hộ.

### **3. Các giải pháp chủ yếu**

#### **3.1. Giải pháp về quy hoạch:**

- Các xã đồng bằng có đàn bò cái nền tốt, nhưng hạn chế về đất đai, bãi chăn thả, phát triển chăn nuôi bò theo hướng thâm canh ở nông hộ, chủ yếu nuôi bò cái sinh sản, thụ tinh nhân tạo và bán bê giống, tỷ lệ bán bê giống trên 90%.

- Hai xã tây nam Phước An, Phước Thành: Có điều kiện về đất đai, phát triển chăn nuôi bò theo hình thức gia trại và nông hộ. Phát triển theo hướng chăn nuôi bò thịt thâm canh, tỷ lệ bán bò thịt trên 40%.

#### **3.2. Giải pháp về Khoa học và Công nghệ:**

a) Giống và công tác giống:

- Sử dụng tinh giống bò thịt chất lượng cao: Red Angus, Blanc Bleu Belge (BBB) tiến hành lai tạo trên nền bò cái lai F<sub>2</sub> Zebu tại địa phương tạo bê lai thịt chất lượng cao dùng để nuôi thịt. Đây là giải pháp mới và cơ bản để nâng cao năng suất và chất lượng đàn bò thịt, nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi bò thịt.

- Tiếp tục sử dụng tinh đông lạnh sản xuất trong nước nhóm bò Zebu lai cải tạo bò đàn địa phương, lai cấp tiến bò cái lai Zebu để nâng cao tỷ lệ máu lai. Đây cũng là giải pháp tạo đàn bò cái nền cho việc lai tạo bò thịt chất lượng cao.

- Sử dụng tinh đông lạnh bò Drought master, thụ tinh nhân tạo cho bò cái nền lai F<sub>2</sub> (≥ 75 % máu Zebu) tại địa phương tạo bò lai F<sub>2</sub> Droughtmaster dùng nuôi thịt và chọn bò cái tốt để làm giống sinh sản

b) Giải pháp thức ăn và nuôi dưỡng:

- Chủ động tạo ra nguồn thức ăn thô xanh cho đàn bò đủ về số lượng và chất lượng bằng việc phát triển trồng các giống cỏ mới năng suất, chất lượng cao; đồng thời tận dụng triệt để nguồn phế phụ phẩm nông nghiệp (từ cây lúa, ngô, đậu ...), chế biến bảo quản để làm thức ăn dự trữ cho bò.

- Áp dụng công nghệ chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh (cỏ, cây ngô thu hoạch non và phụ phẩm nông nghiệp) để nâng cao giá trị dinh dưỡng, khả năng tiêu hóa và hấp thu.

- Bổ sung đạm phi protein cho bò dưới dạng chế biến tăng liếm, như mật đường, urê ...

- Hướng dẫn, chuyển giao cho nông dân quy trình kỹ thuật nuôi bò thịt chất lượng cao, vỗ béo bò thịt trước khi xuất chuồng bằng thức ăn sẵn có tại địa phương.

c) Giải pháp vệ sinh phòng bệnh và thú y:

- Tiêm phòng vaccine LMLM và Tụ huyết trùng cho đàn bò 2 lần/năm.

- Tăng cường công tác kiểm dịch bò nhập nội để phòng ngừa dịch bệnh lây lan từ bên ngoài vào.

- Xây dựng vùng an toàn dịch bệnh tại các vùng giống bò lai.

- Xây dựng hệ thống thu gom phân, xử lý nước thải, xây dựng hầm Biogas. Nguồn phân hữu cơ, chất thải sau xử lý được bón cho cây trồng để nâng năng suất và độ phì nhiêu của đất.

### 3.3. Giải pháp về chính sách:

- Thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 14/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020.

- Thực hiện Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 20/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đề án “Phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trong nông hộ tỉnh Bình Định giai đoạn 2015-2020”.

- Hỗ trợ vaccine lở mồm long móng để tiêm phòng cho đàn bò.

- Thực hiện chính sách khuyến nông, để hỗ trợ mô hình trồng cỏ chất lượng cao và mô hình chăn nuôi thâm canh bò thịt chất lượng cao.

- Tín dụng: Tăng cường hình thức cho vay: Trung hạn, dài hạn. Chủ trang trại, gia trại có thể chấp bằng tài sản hình thành sau đầu tư để vay vốn từ các tổ chức tín dụng và cho vay theo chu kỳ sản xuất của vật nuôi.

### 4. Nhu cầu vốn đầu tư

4.1. Tổng vốn đầu tư: (Kèm theo phụ lục 2):

**394.181.730.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn tỷ một trăm tám mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong đó: - Vật tư, trang thiết bị kỹ thuật TTNT bò:	3.742.490.000 đồng
- Con giống, công phối giống, nuôi dưỡng bò:	388.496.708.000 đồng
- Hội nghị, đào tạo, tập huấn:	175.950.000 đồng
- Xây dựng mô hình trình diễn:	1.631.000.000 đồng
- Quản lý phí (3%):	135.582.000 đồng

4.2. Nguồn vốn đầu tư: (Kèm theo phụ lục 3: Nhu cầu vốn đầu tư và phân kỳ đầu tư)

**Tổng vốn đầu tư:**

**394.181.730.000 đồng.**

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn tỷ một trăm tám mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Trong đó: + Vốn ngân sách Trung Ương, tỉnh:	3.472.881.000 đồng
+ Vốn ngân huyện:	1.182.141.000 đồng
+ Vốn đầu tư của dân:	389.526.708.000 đồng

### 5. Hiệu quả đầu tư

#### 5.1. Hiệu quả kinh tế:

- Trong giai đoạn 2016-2020, sẽ phối giống 31.600 con bò có chửa, trong đó bò thịt chất lượng cao là: 13.100 con, bò Brahman và Drought master là 18.500 con.

Tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc tăng năng suất, chất lượng, số lượng đàn bò thịt.

- Hiệu quả kinh tế do đề án mang lại trong giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng: 191.949.291.000 đồng (trong đó: bò thịt chất lượng cao đạt: 102.377.286 đồng, bò lai Zêbu và Drought master đạt: 89.572.005.000 đồng).

- Hiệu quả chăn nuôi 01 con bò thịt chất lượng cao hơn khoảng 68,5 % so với 01 con bò lai Zêbu và Droughtmaster.

## **5.2. Hiệu quả xã hội:**

- Giải quyết cho khoảng 1.100 lao động Nông nghiệp (28.500 con bò/25 con/lao động), giảm dần sự cách biệt về thu nhập giữa nông thôn và thành thị, tạo nhiều việc làm cho lao động nhàn rỗi ở nông thôn.

- Khai thác hiệu quả mọi tiềm năng sẵn có của địa phương, tăng giá trị hàng hoá ngành chăn nuôi, tăng thu nhập cho người lao động nông nghiệp.

- Nâng cao trình độ thâm canh cho người chăn nuôi góp phần vào xây dựng nông thôn mới bền vững.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì, phối hợp với các xã, thị trấn tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện đề án.

- Làm đầu mối tổng hợp, đôn đốc kiểm tra tiến độ thực hiện, phân công, triển khai giao nhiệm vụ cụ thể cho Trạm Khuyến nông.

- Tiếp tục phát triển hệ thống thụ tinh nhân tạo bò, tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác giống bò.

- củng cố các điểm thụ tinh nhân tạo bò đã có và mở rộng thêm ở những vùng có điều kiện.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống bò, trong đó tập trung vào quản lý chặt chẽ tinh đông lạnh dùng trong công tác thụ tinh nhân tạo và bò đực giống nhảy trực tiếp.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học mới về chăn nuôi ứng dụng vào thực tiễn sản xuất.

- Hàng năm tổng kết đánh giá tình hình thực hiện đề án, trên cơ sở đó có biện pháp điều chỉnh kịp thời những vấn đề chưa phù hợp thực tiễn sản xuất để đề án đạt hiệu quả cao.

- Phối hợp với đài phát thanh, các tổ chức hội đoàn thể, tăng cường công tác truyền tuyên để người dân hiểu đầy đủ, đồng thuận và thực hiện tốt đề án.

#### **2. Phòng Tài chính-Kế hoạch**

- Thực hiện cấp phát kinh phí theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện đề án.

- Hàng năm tham mưu UBND huyện bố trí nguồn vốn đầu tư và lồng ghép các chương trình dự án để thực hiện đề án.

### 3. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện tốt công tác giao đất, cho thuê đất, hoàn thành các thủ tục cho mọi đối tượng có nhu cầu sử dụng đất để phát triển trang trại - gia trại chăn nuôi, đồng thời có trách nhiệm kiểm tra việc sử dụng đất của các đối tượng sử dụng.

- Hướng dẫn các địa phương thực hiện quản lý nhà nước về môi trường, phối hợp kiểm tra quy trình xử lý chất phát thải trong chăn nuôi đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

### 4. UBND các xã, thị trấn

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đề án phát triển chăn nuôi bò thịt của địa phương giai đoạn 2016-2020 phù hợp với định hướng phát triển chăn nuôi của địa phương và phù hợp với đề án chung của huyện.

### 5. Mặt trận và các hội đoàn thể

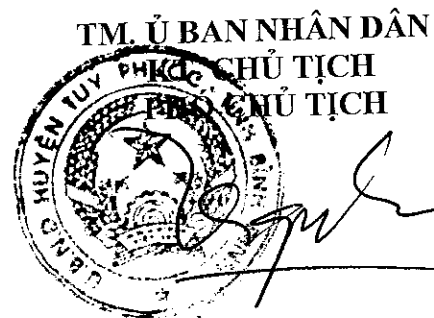
Phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và vận động hội viên tích cực tham gia công tác lai tạo bò, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi để đạt hiệu quả cao. Hỗ trợ hội viên hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện các hợp đồng liên kết.

**Điều 3.** Quyết định này kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Thủ trưởng các phòng ban, đơn vị có liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh; (B/c)
- Sở Nông nghiệp & PTNT;
- CT, các PG UBND huyện;
- Lưu: VT



Trần Kỳ Quang